

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định, hướng dẫn về ¹*phương án phát triển cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; ưu đãi, hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp; chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu và các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và*

¹ Phần chữ in nghiêng là nội dung mới so với Thông tư 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP

Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 3. Phương án phát triển cụm công nghiệp

1. *Phương án phát triển cụm công nghiệp là một nội dung của quy hoạch tỉnh; được xây dựng, tích hợp vào quy hoạch tỉnh và quản lý theo pháp luật quy hoạch.*
2. *Việc xây dựng, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh thực hiện theo trình tự, quy định tại các Điều 5 và 6 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 3, 4 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.*

Điều 4. Thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp

1. *Sở Công Thương xây dựng kế hoạch thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp nằm trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện liên quan để các tổ chức, cá nhân liên quan biết, triển khai thực hiện.*
2. *Kế hoạch thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp gồm các nội dung chủ yếu sau:*
 - a) *Danh mục các cụm công nghiệp dự kiến phát triển trong kỳ quy hoạch tỉnh gồm tên gọi, vị trí, diện tích, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật, các giải pháp thực hiện và nội dung khác liên quan;*
 - b) *Các cụm công nghiệp dự kiến thu hút, giao các doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật;*

c) Các giải pháp xúc tiến đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp, thu hút dự án đầu tư, di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp và quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp;

d) Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của địa phương (nếu có).

Điều 5. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

Việc điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo trình tự, quy định tại các Điều 7, 8 và 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Xử lý các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP

1. Các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp gồm tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp huyện, diện tích thay đổi giảm, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác nhưng không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, **không làm** tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc quỹ đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trình tự xử lý các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp

a) Căn cứ văn bản đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan xem xét, làm rõ sự cần thiết, cơ sở đề xuất, quy định đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp cũng như tác động, ảnh hưởng đến quy hoạch tỉnh (nếu có); báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương xem xét, thống nhất.

b) Căn cứ văn bản thống nhất của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chức năng, đơn vị liên quan triển khai thực hiện và cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tỉnh.

Mục 2

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 7. Lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP

1. Kết quả tiếp nhận, lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn:

a) Sau 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo kết quả tiếp nhận, thời gian tiếp nhận và hoàn thiện hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (trong đó có nội dung giao doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp) ngay khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký ban hành phải đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Việc lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là một nội dung thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Thời gian lựa chọn chủ đầu tư nằm trong thời thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

3. Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư:

a) Trong quá trình thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư (gồm Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, 1 Phó chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Công Thương, 1 Thư ký Hội đồng là đại diện phòng quản lý chuyên môn của Sở Công Thương và thành viên khác đại diện một số Sở, cơ quan liên quan).

b) Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư tổ chức họp đánh giá chấm điểm với thang điểm 100 cho các tiêu chí phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 15 điểm), phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp (tối đa 15 điểm), năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã (tối đa 30 điểm) và phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 40 điểm). Căn cứ điều kiện thực tế của từng cụm công nghiệp, Sở Công Thương báo cáo Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư thống nhất các yêu cầu cụ thể của từng tiêu chí và mức điểm đạt được tương ứng của yêu cầu đó cho phù hợp (nếu có).

c) Điểm đánh giá các tiêu chí phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã và phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật là số điểm đánh giá trung bình của các thành viên Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư. Doanh nghiệp, hợp tác xã có số điểm từ 50 trở lên được xem xét, giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp có từ hai doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên cùng đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thì giao doanh nghiệp, hợp tác xã có số điểm cao nhất; nếu có từ hai doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên cùng có số điểm cao

nhất bằng nhau thì Hội đồng đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

d) Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư báo cáo, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả đánh giá chấm điểm các tiêu chí. Kết quả đánh giá chấm điểm các tiêu chí thể hiện trong biên bản cuộc họp của Hội đồng và có giá trị khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham dự.

4. Trách nhiệm của Sở Công Thương:

a) Chủ trì thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

b) Gửi dự thảo báo cáo thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, phiếu đánh giá chấm điểm các tiêu chí theo quy định và tài liệu liên quan khác đến các thành viên Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư trước ngày họp ít nhất 3 ngày làm việc;

c) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư tiến hành họp đánh giá chấm điểm và triển khai thực hiện các kết luận của Hội đồng;

d) Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (trong đó có nội dung giao doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp);

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan (nếu có).

Điều 8. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng đặc thù tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

2. Việc xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

3. Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch chi tiết xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu.

Điều 9. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Đối với cụm công nghiệp được quyết định thành lập, mở rộng theo thủ tục, quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

3. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và *Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.*

4. *Việc chuyển nhượng dự án, giãn tiến độ đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật khác có liên quan do Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

Điều 10. Nhiệm vụ của đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP

1. Tham gia *xây dựng*, điều chỉnh *phương án phát triển cụm công nghiệp*, báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tổ chức lập, quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp;

2. Tổ chức triển khai, quản lý, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định;

3. Quản lý, vận hành, bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

4. Xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất di dời vào cụm công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;

5. Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

Mục 3

ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 11. Miễn tiền thuê đất

1. Thời gian miễn tiền thuê đất đối với dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề và dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề quy định tại các Điều 27, 28 và khoản 1 Điều 32 Nghị định 68/2017/NĐ-CP được tính từ khi hết thời gian miễn tiền thuê đất thời gian xây dựng cơ bản của dự án theo quy định của pháp luật đất đai.

Đối với dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề còn được miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật đất đai.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành có quy định về miễn tiền thuê đất đối với dự án đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề thì áp dụng mức ưu đãi cao nhất để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

3. Việc miễn tiền thuê đất chỉ áp dụng đối với các dự án đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng, trực tiếp thuê đất của nhà nước theo quy định của pháp luật đất đai, đầu tư. Trình tự, hồ sơ đề nghị miễn tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 12. Hoạt động phát triển cụm công nghiệp

Hoạt động phát triển cụm công nghiệp quy định tại Điều 30 Nghị định 68/2017/NĐ-CP do các cơ quan, đơn vị có chức năng phù hợp của Bộ Công Thương và địa phương thực hiện thông qua đề xuất, giao kế hoạch như sau:

1. Hàng năm, xây dựng dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Cục Công Thương địa phương chủ trì, phối hợp các đơn vị thuộc Bộ Công Thương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, trình Bộ Công Thương phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

2. Hàng năm, xây dựng dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cơ quan chuyên môn quản lý công thương cấp tỉnh, cấp huyện chủ trì xây

dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

Mục 4

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, MẪU VĂN BẢN, QUY CHẾ QUẢN LÝ VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 13. Chế độ báo cáo về cụm công nghiệp

1. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo:

a) Cục Công Thương địa phương;

b) Sở Công Thương;

c) Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ quan thống kê cấp huyện;

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

đ) Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Chế độ báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ trước ngày 20 các tháng 4, 7, 10 hàng năm và tháng 1 năm sau, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm theo Biểu 01 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Cơ quan thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Định kỳ trước ngày 20 tháng 7 hàng năm và tháng 1 năm sau, chủ đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 02 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Cơ quan Thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công Thương.

c) Định kỳ trước ngày 25 tháng 7 hàng năm và tháng 1 năm sau, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 03 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

d) Định kỳ trước ngày 31 tháng 7 hàng năm và tháng 1 năm sau, Sở Công Thương báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu 04 Phụ lục 1 Thông tư này, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Công Thương địa phương.

đ) Định kỳ trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Cục Công Thương địa phương tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp của cả nước.

3. Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ bằng văn bản và thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp (đối với Cục Công Thương địa phương, Sở Công Thương, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện). Ngoài ra, các đối tượng thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp

1. Cục Công Thương địa phương tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước; hướng dẫn Sở Công Thương cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

2. Sở Công Thương tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành và hướng dẫn Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh; có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

3. Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh.

Điều 15. Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp

Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này để các địa phương căn cứ áp dụng cho phù hợp thực tế.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Cục Công Thương địa phương

Cục Công Thương địa phương là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên phạm vi cả nước quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và *Nghị định số 66/2020/NĐ-CP*; có ý kiến về sự phù hợp, đáp ứng các nội dung, quy định đối với phương án phát triển cụm công nghiệp; hướng dẫn, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Chỉ đạo các Sở, ngành, đơn vị trên địa bàn trong chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại các Điều 43 và 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các Điều 18 và 19 Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tham gia thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp; chủ trì, phối hợp thẩm định chủ trương đầu tư dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành *Quy chế quản lý cụm công nghiệp*, giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với:

a) Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm: cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy);

b) Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (gồm: quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường).

Điều 19. Trách nhiệm của Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là đơn vị đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định Điều 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp

Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019, trong quá trình thực hiện được tiếp tục điều chỉnh, bổ sung theo quy định về quản lý quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Thông tư số 15/2017/TT-BCT cho đến khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt theo quy định của pháp luật quy hoạch.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.
3. Trường hợp ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới thay thế văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này thì áp dụng quy định tại văn bản mới.
4. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân liên quan gửi ý kiến về Bộ Công Thương (qua Cục Công Thương địa phương) để tổng hợp, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ CT;
- Lưu: VT, CTĐP, PC.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh